

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Costa Jean - Luc Francois	Phó Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Prasanna Rajashekhar Patil	Thành viên (bổ nhiệm từ 24 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên (miễn nhiệm từ 24 tháng 6 năm 2012)

Ban Điều hành

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thủy	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên
Ông Trần Đức Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm từ 24 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên (bổ nhiệm từ 24 tháng 6 năm 2012)
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên (miễn nhiệm từ 24 tháng 6 năm 2012)
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên (miễn nhiệm từ 24 tháng 6 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 27. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Điều hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Điều hành tại trang 1 và 2, Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Điều hành, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, 28 và 29 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 4 tháng 3 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH hướng dẫn xử lý hạch toán phần lãi và vốn thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG, một công ty liên doanh, từ năm 2007. Theo đó, số tiền lãi 5.177.080 đô la Mỹ (tương đương 107.760.926.445 đồng) được hạch toán giảm lợi nhuận chưa phân phối và số tiền vốn 5.000.000 đô la Mỹ (tương đương 104.075.000.000 đồng) được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn trong thời gian không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và đã hạch toán giảm quỹ dự phòng dao động lớn với số tiền 34.691.666.667 đồng và đồng thời hạch toán toàn bộ số tiền lãi 107.760.926.445 đồng giảm lợi nhuận chưa phân phối trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1902/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B01-DNBH
Đơn vị: VNĐ

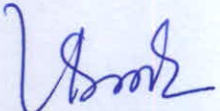
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.029.249.613.334	2.292.780.204.898
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	180.304.644.425	258.530.906.001
1. Tiền	111		180.304.644.425	169.330.906.001
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	89.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	966.669.802.334	990.090.879.712
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.120.320.386.911	1.089.368.413.451
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(153.650.584.577)	(99.277.533.739)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		855.644.388.183	1.031.377.605.498
1. Phải thu khách hàng	131	8	730.935.080.408	750.805.359.551
2. Trả trước cho người bán	132	9	3.177.334.427	2.513.438.442
3. Các khoản phải thu khác	135	10	255.287.113.228	346.571.974.894
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	11	(133.755.139.880)	(68.513.167.389)
IV. Hàng tồn kho	140		4.694.795.597	3.514.137.420
1. Hàng tồn kho	141		4.694.795.597	3.514.137.420
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.935.982.795	9.266.676.267
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.464.140.946	1.309.716.403
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	12.553.160.938	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.918.680.911	7.956.959.864
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.570.644.366.409	1.570.583.709.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	13	46.242.875.939	31.189.032.887
1. Phải thu dài hạn khác	218		46.242.875.939	31.189.032.887
II. Tài sản cố định	220		440.627.722.548	454.357.013.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	93.511.175.932	97.274.997.397
- Nguyên giá	222		206.184.338.836	200.641.424.494
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.673.162.904)	(103.366.427.097)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	314.292.842.276	308.110.122.764
- Nguyên giá	228		349.435.994.982	335.232.886.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.143.152.706)	(27.122.763.441)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	32.823.704.340	48.971.893.557
III. Bất động sản đầu tư	240	17	26.672.063.858	7.655.042.500
- Nguyên giá	241		27.638.017.517	7.655.042.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(965.953.659)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		920.711.429.537	953.382.528.969
1. Đầu tư vào công ty con	251	18	210.058.000.000	210.058.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	19	152.781.309.450	152.781.309.450
3. Đầu tư dài hạn khác	258	20	577.360.824.425	593.653.219.519
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	20	(19.488.704.338)	(3.110.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		136.390.274.527	124.000.091.196
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	21	125.207.254.116	112.594.653.915
2. Ký quỹ bắt buộc	263	22	6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.183.020.411	5.405.437.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.599.893.979.743	3.863.363.914.168

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

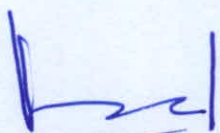
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B01-DNBH
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.518.272.303.985	1.691.957.052.130
I. Nợ ngắn hạn	310		552.809.049.152	722.496.197.650
1. Phải trả người bán	312	23	334.461.716.392	497.619.764.328
2. Người mua trả tiền trước	313	24	93.036.463.387	94.462.656.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	25	23.418.053.967	35.385.846.036
4. Phải trả người lao động	315	26	49.800.361.467	33.566.796.560
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	27	52.092.453.939	61.461.134.178
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	28	964.933.017.767	969.207.795.970
1. Dự phòng phí	331		730.797.339.404	674.364.337.276
2. Dự phòng bồi thường	332		113.139.717.906	126.305.466.773
3. Dự phòng dao động lớn	333		120.995.960.457	168.537.991.921
III. Nợ dài hạn	340		530.237.066	253.058.510
1. Phải trả dài hạn khác	343		530.237.066	253.058.510
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.081.621.675.758	2.171.406.862.038
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	2.081.621.675.758	2.171.406.862.038
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		44.072.906.648	43.244.907.730
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		13.771.924.950	12.943.926.032
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		135.292.769.711	226.733.953.827
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+ 400)	430		3.599.893.979.743	3.863.363.914.168



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng

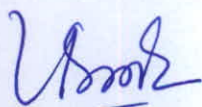



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02a-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	2012	2011
Thu phí bảo hiểm gốc	01	2.294.836.075.338	2.132.494.422.312
Thu phí nhận tái bảo hiểm	02	254.129.379.252	227.382.657.819
Các khoản giảm trừ	03	(824.883.306.726)	(714.652.116.949)
Phí nhượng tái bảo hiểm	04	(799.445.550.571)	(704.080.224.777)
Giảm phí bảo hiểm	05	(3.022.382.084)	(984.351.228)
Hoàn phí bảo hiểm	06	(22.415.374.071)	(9.587.540.944)
Tăng dự phòng phí	08	(56.433.002.128)	(32.038.987.299)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09	118.711.534.076	111.648.087.489
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10	1.099.107.714	1.626.427.999
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14	1.787.459.787.526	1.726.460.491.371
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15	(1.198.708.401.894)	(1.598.564.075.922)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16	(104.018.418.647)	(105.288.538.109)
Trừ các khoản khấu trừ	17	493.280.186.299	844.287.679.144
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18	481.735.063.659	830.859.652.633
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19	7.394.890.376	12.828.685.608
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20	4.150.232.264	599.340.903
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21	(809.446.634.242)	(859.564.934.887)
Sử dụng bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	65.000.000.000	49.000.000.000
Giảm dự phòng bồi thường	23	13.165.748.867	41.874.930.497
Trích dự phòng dao động lớn	24	(52.149.635.203)	(49.356.748.910)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27	(248.881.151.530)	(239.471.911.092)
Chi đòi người thứ ba	29	(522.639.022)	(617.732.027)
Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30	(48.090.908)	-
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	(1.310.082.320)	(498.103.918)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	(7.154.279.092)	(11.555.793.147)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33	(66.735.433.874)	(46.466.125.678)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35	(62.836.096.952)	(56.564.021.965)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41	(1.170.918.294.276)	(1.173.220.441.127)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42	616.541.493.250	553.240.050.244
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	(615.701.942.729)	(549.935.541.254)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45	839.550.521	3.304.508.990
Doanh thu hoạt động tài chính	46	223.144.747.125	301.869.815.997
Chi phí tài chính	47	(149.401.435.479)	(176.024.210.081)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51	73.743.311.646	125.845.605.916
Thu nhập khác	52	15.192.620.985	4.870.890.177
Chi phí khác	53	(777.673.745)	(3.878.772.679)
Lợi nhuận khác	54	14.414.947.240	992.117.498
Lợi nhuận trước thuế	55	88.997.809.407	130.142.232.404
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	(8.082.643.366)	(20.362.072.316)
Lợi nhuận sau thuế	61	80.915.166.041	109.780.160.088


Vu Thị Dung
Người lập biểu

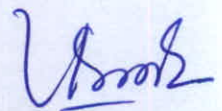

Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng


Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B03-DNBH
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.997.809.407	130.142.232.404
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.290.002.740	22.363.019.555
Tăng các khoản dự phòng	03	135.993.727.667	106.450.949.988
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.008.008.759	(16.559.978.359)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(207.524.762.718)	(248.696.040.545)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.764.785.855	(6.299.816.957)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.483.197.540)	(146.122.085.262)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.180.658.177)	641.708.368
Thay đổi các khoản phải trả	11	(101.984.706.155)	234.636.179.365
Thay đổi chi phí trả trước	12	(12.767.024.744)	(51.636.240.572)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.726.474.220)	(23.962.751.601)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	222.416.870	90.800.465.009
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.749.682.424)	(113.901.078.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(86.904.540.535)	(15.843.619.651)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(28.592.567.330)	(67.620.040.268)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.330.302.684	4.409.814.479
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(1.603.643.847.000)	(2.471.445.118.000)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	1.484.549.433.540	2.514.537.979.073
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.886.750.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	132.321.585.094	190.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	141.990.504.203	244.286.226.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	100.068.661.191	224.358.861.350
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(113.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(90.600.000.000)	(113.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(77.435.879.344)	95.265.241.699
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	258.530.906.001	161.169.416.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(790.382.232)	2.096.247.376
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	180.304.644.425	258.530.906.001



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.710 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.803 người).

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 5 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 124/2012/TT-BTC (“Thông tư 124”) hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị Định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Thông tư 124 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Theo đánh giá của Ban Điều hành, Thông tư 124 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ngày 30 tháng 7 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) hướng dẫn Chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 125 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo đánh giá của Ban Điều hành, Thông tư 125 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Điều hành đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin trọng yếu khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Điều hành đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản dự phòng.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với quyền sử dụng đất có thời hạn. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và chứng khoán hạn chế quyền chuyển nhượng tự do trên thị trường.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí hoa hồng, chi phí khai thác trực tiếp chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận các chi phí bảo hiểm chính

Chi phí bồi thường: Chi phí bồi thường được ghi nhận tại thời điểm các hồ sơ bồi thường được hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm thì xem là chưa giải quyết và được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng: Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Hoạt động tái bảo hiểm

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ những hợp đồng bảo hiểm đã ký kết bằng cách tái bảo hiểm ở những mức độ nhất định các rủi ro với các công ty bảo hiểm khác hay các công ty tái bảo hiểm. Lợi ích có thể thu được từ công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính thống nhất dựa vào hợp đồng tái bảo hiểm. Tổng Công ty có 2 hoạt động tái bảo hiểm như sau:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Nhượng tái bảo hiểm***

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tùy chọn được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Phí hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được các bảng thông báo thanh toán của bên nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu tái bảo hiểm được ghi nhận và bên nhận tái bảo hiểm nhận được bảng thông báo tái bảo hiểm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “*Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp tỷ lệ 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp tỷ lệ 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Theo Công văn 15745/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011, từ năm tài chính 2011, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm theo quy định tại Chi tiết a, Điểm 4.1, Điều 7, Mục 2, Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012. Cụ thể, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – “Hợp đồng bảo hiểm” thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Trong năm, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2011: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	16.251.418.469	14.617.100.806
Tiền gửi ngân hàng	164.053.225.956	154.713.805.195
Các khoản tương đương tiền	-	89.200.000.000
	<u>180.304.644.425</u>	<u>258.530.906.001</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	35.875.507.300	20.000.000.000	1.033.492.906.151	1.089.368.413.451
Tăng	26.443.847.000	-	1.434.200.000.000	1.460.643.847.000
Giảm	(16.841.873.540)	(20.000.000.000)	(1.392.850.000.000)	(1.429.691.873.540)
Tại ngày 31/12/2012	45.477.480.760	-	1.074.842.906.151	1.120.320.386.911

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 1/1/2012	15.562.533.739	-	83.715.000.000	99.277.533.739
Tăng dự phòng	17.477.596.038	-	36.895.454.800	54.373.050.838
Tại ngày 31/12/2012	33.040.129.777	-	120.610.454.800	153.650.584.577

GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 31/12/2012	12.437.350.983	-	954.232.451.351	966.669.802.334
Tại ngày 31/12/2011	20.312.973.561	20.000.000.000	949.777.906.151	990.090.879.712

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất từ 6,66% đến 11,66%/năm (năm 2011: 9,3% tới 16,2%/năm).

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	446.193.287.361	431.396.113.718
Phải thu nhận tái bảo hiểm	31.044.212.218	32.851.752.206
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	253.697.580.829	286.557.493.627
	730.935.080.408	750.805.359.551

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán thể hiện số dư của các khoản tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm và công ty môi giới bảo hiểm tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải thu từ hoạt động đầu tư	88.769.835.383	79.446.368.887
Phải thu từ SCIC	69.383.333.333	214.023.998.709
Phải thu khác	97.133.944.512	53.101.607.298
	255.287.113.228	346.571.974.894

Phải thu từ SCIC thể hiện số tiền vốn còn lại sau khi phân bổ một phần vào quỹ dự phòng giao động lớn do Tổng Công ty phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và toàn bộ tiền lãi từ chuyển nhượng Bảo Minh – CMG đã được ghi giảm vào lợi nhuận sau thuế. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 và 29 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 4 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán tiền vốn và lãi thu được từ chuyển nhượng Bảo Minh – CMG năm 2007. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và hạch toán một phần với số tiền là 34.691.666.667 đồng, đồng thời hạch toán toàn bộ số tiền lãi là 107.760.926.445 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Dự phòng phải thu bảo hiểm gốc	92.704.423.131	37.621.744.849
Dự phòng phải thu đầu tư tài chính	41.050.716.749	30.891.422.540
	133.755.139.880	68.513.167.389

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước thể hiện số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp còn được hoàn lại phát sinh từ phần thuế Tổng Công ty đã nộp trước cho phần lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG sau khi bù trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012. Như trình bày tại thuyết minh số 29 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 4065/BTC-QLBH ngày 28 tháng 3 năm 2012 đề cập Tổng Công ty được hoàn lại số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ chuyển nhượng vốn tại Bảo Minh – CMG.

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Các khoản phải thu dài hạn thể hiện các khoản dự thu tiền lãi từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn gồm trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	120.166.361.457	44.527.147.397	64.740.822	31.622.642.387	4.260.532.431	200.641.424.494
Tăng trong năm	267.429.999	3.624.439.999	-	727.216.817	268.671.717	4.887.758.532
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.035.382.562	-	-	359.041.226	272.490.433	5.666.914.221
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.188.002.608)	-	(1.823.755.803)	-	(5.011.758.411)
Tại ngày 31/12/2012	125.469.174.018	44.963.584.788	64.740.822	30.885.144.627	4.801.694.581	206.184.338.836
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	40.559.939.574	34.494.804.902	50.810.554	24.879.531.961	3.381.340.106	103.366.427.097
Khấu hao trong năm	7.182.041.122	3.914.739.017	4.293.781	2.660.029.568	542.556.328	14.303.659.816
Giảm do thanh lý	-	(3.173.168.206)	-	(1.823.755.803)	-	(4.996.924.009)
Tại ngày 31/12/2012	47.741.980.696	35.236.375.713	55.104.335	25.715.805.726	3.923.896.434	112.673.162.904
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	77.727.193.322	9.727.209.075	9.636.487	5.169.338.901	877.798.147	93.511.175.932
Tại ngày 31/12/2011	79.606.421.883	10.032.342.495	13.930.268	6.743.110.426	879.192.325	97.274.997.397

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 52.333.527.200 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 51.406.242.018 đồng).

00-002-
HÀNH
S TY
M HỮU H
ITTE
NAM
HỒ CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	269.509.834.423	65.723.051.782	335.232.886.205
Tăng trong năm	-	1.009.440.000	1.009.440.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.229.793.777	327.675.000	11.557.468.777
Chuyển từ bất động sản đầu tư	1.636.200.000	-	1.636.200.000
Tại ngày 31/12/2012	282.375.828.200	67.060.166.782	349.435.994.982
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	637.191.449	26.485.571.992	27.122.763.441
Khấu hao trong năm	342.871.565	7.677.517.700	8.020.389.265
Tại ngày 31/12/2012	980.063.014	34.163.089.692	35.143.152.706
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	281.395.765.186	32.897.077.090	314.292.842.276
Tại ngày 31/12/2011	268.872.642.974	39.237.479.790	308.110.122.764

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 13.428.321.408 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 11.691.479.376 đồng).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	48.971.893.557	46.739.982.682
Tăng trong năm	24.010.149.051	52.928.483.228
Kết chuyển sang tài sản cố định	(38.843.558.015)	(34.587.522.439)
Giảm khác	(1.314.780.253)	(16.109.049.914)
Tại ngày 31 tháng 12	32.823.704.340	48.971.893.557

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 là giá trị các công trình xây dựng trụ sở của các chi nhánh Bảo Minh ở các tỉnh. Chi tiết giá trị cuối kỳ như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong đó những công trình lớn như sau:		
- Giá trị đất trụ sở	3.956.818.182	3.956.818.182
- Nhà số 85/3 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP.HCM	11.102.271.300	11.102.271.300
- Chi phí dự án BEST 2012	7.765.527.446	-
- Nhà số 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM	1.945.832.988	1.021.387.981
- Trụ sở Bảo Minh Lạng Sơn	1.463.841.154	1.434.113.882
- Trụ sở Bảo Minh Cần Thơ	1.116.269.710	13.594.342.075
- Trụ sở Bảo Minh Bạc Liêu	1.518.398.886	776.759.905
- Các công trình khác	3,954,744,674	17,086,200,232
	32.823.704.340	48.971.893.557

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 1/1/2012

Tăng trong năm

Chuyển sang tài sản cố định vô hình

Tại ngày 31/12/2012

Quyền sử dụng đất
VNĐ

7.655.042.500

21.619.175.017

(1.636.200.000)

27.638.017.517**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 1/1/2012

Khấu hao trong năm

Tại ngày 31/12/2012

(965.953.659)

(965.953.659)**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2012

26.672.063.858

Tại ngày 31/12/2011

7.655.042.500

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 (VAS 05) - “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản lâu dài và Tổng Công ty cũng chưa xác định được các bất động sản cùng loại tương tự để so sánh.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là “BMSC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,02% vốn điều lệ tương đương với 70,02% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “UIC”) được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết.

20. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				
Tại ngày 1/1/2012	317.769.448.195	227.026.211.324	48.857.560.000	593.653.219.519
Tăng	-	27.886.750.000	143.000.000.000	170.886.750.000
Giảm	(13.706.334.825)	(118.615.250.269)	(54.857.560.000)	(187.179.145.094)
Tại ngày 31/12/2012	<u>304.063.113.370</u>	<u>136.297.711.055</u>	<u>137.000.000.000</u>	<u>577.360.824.425</u>
DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 1/1/2012	3.110.000.000	-	-	3.110.000.000
Tăng	16.378.704.338	-	-	16.378.704.338
Tại ngày 31/12/2012	<u>19.488.704.338</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>19.488.704.338</u>
GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN				
Tại ngày 31/12/2012	<u>284.574.409.032</u>	<u>136.297.711.055</u>	<u>137.000.000.000</u>	<u>557.872.120.087</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>314.659.448.195</u>	<u>227.026.211.324</u>	<u>48.857.560.000</u>	<u>590.543.219.519</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	211.203.135	211.203.135
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần phần Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Địa ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	40.080.953.060	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	9.243.665.175	22.950.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	304.063.113.370	317.769.448.195
Trái phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	-	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	12.497.711.055	20.000.000.000
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	26.800.000.000	60.026.211.324
	136.297.711.055	227.026.211.324

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn trên 1 năm.

21. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.701.763.554	2.437.030.384
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	55.938.896.259	55.441.702.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.566.594.303	54.715.921.307
	125.207.254.116	112.594.653.915

22. KÝ QUỸ BẮT BUỘC

Số dư ký quỹ bắt buộc thể hiện số tiền bằng 2% vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ là 300 tỷ đồng được quy định tại khoản 1, điều 4, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ. Tổng Công ty đang gửi số tiền ký quỹ này tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng bắt đầu từ ngày 19 tháng 3 năm 2012 với lãi suất 10,8%/năm.

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc và hoàn phí gốc	50.994.407.011	167.737.748.651
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm gốc	133.483.283	119.195.105
Phải trả bồi thường tái bảo hiểm	26.133.999.165	37.133.321.143
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	257.199.826.933	292.629.499.429
	334.461.716.392	497.619.764.328

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Dạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Doanh thu chưa thực hiện	61.009.949.814	74.264.454.808
Thu tiền ứng trước từ khách hàng	32.026.513.573	20.198.201.740
	93.036.463.387	94.462.656.548

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	19.727.740.586	14.192.535.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.173.445.961
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	3.690.313.381	10.019.864.132
	23.418.053.967	35.385.846.036

26. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, phải trả người lao động thể hiện khoản chênh lệch giữa quỹ lương trích vào chi phí trong năm và số lương, thưởng thực tế chi trả cho cán bộ công nhân viên trong năm.

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả phí đồng bảo hiểm	11.702.200.560	20.971.130.426
Phải trả khác	40.390.253.379	40.490.003.752
	52.092.453.939	61.461.134.178

28. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	642.325.349.977	168.180.397.171	168.181.243.011	978.686.990.159
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	32.038.987.299	(41.874.930.398)	49.356.748.910	39.520.805.811
Số sử dụng trong năm	-	-	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	674.364.337.276	126.305.466.773	168.537.991.921	969.207.795.970
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	56.433.002.128	(13.165.748.867)	52.149.635.203	95.416.888.464
Số sử dụng trong năm (*)	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Điều chỉnh giảm (**)	-	-	(34.691.666.667)	(34.691.666.667)
Số dư tại ngày 31/12/2012	730.797.339.404	113.139.717.906	120.995.960.457	964.933.017.767

(*) Trong năm 2012, Công ty đã sử dụng 65.000.000.000 đồng (năm 2011: 49.000.000.000 đồng) từ quỹ dự phòng dao động lớn để chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm trong năm.

(**) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 4 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán vốn và lãi thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG. Theo đó, đối với số tiền gốc 5.000.000 đô la Mỹ được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền gốc trong 3 năm và hạch toán một phần với số tiền là 34.691.666.667 đồng ghi giảm quỹ dự phòng giao động lớn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bắt buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	39.369.447.307	9.068.465.609	260.975.074.219	2.197.897.061.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	109.780.160.088	109.780.160.088
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(113.250.000.000)	(113.250.000.000)
Điều chỉnh quỹ do CLTG	-	-	(785.548.663)	(785.548.663)	6.204.931.976	4.633.834.650
Phân phối quỹ	-	-	4.661.009.086	4.661.009.086	(9.322.018.172)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	(13.173.619.211)	(13.173.619.211)
Nộp bổ sung thuế 2010	-	-	-	-	(13.224.115.039)	(13.224.115.039)
Chi khác	-	-	-	-	(1.256.460.034)	(1.256.460.034)
Số dư tại ngày 31/12/2011	755.000.000.000	1.133.484.074.449	43.244.907.730	12.943.926.032	226.733.953.827	2.171.406.862.038
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80.915.166.041	80.915.166.041
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	827.998.918	827.998.918	(1.655.997.836)	-
Hoàn nhập thuế chuyển nhượng vốn	-	-	-	-	23.362.957.306	23.362.957.306
Giảm số trích dự phòng theo quyết toán thuế 2011	-	-	-	-	10.388.764.492	10.388.764.492
Nộp bổ sung thuế 2011	-	-	-	-	(2.604.722.487)	(2.604.722.487)
Điều chỉnh giảm	-	-	-	-	(107.760.926.445)	(107.760.926.445)
Chi khác	-	-	-	-	(3.486.425.187)	(3.486.425.187)
Số dư tại ngày 31/12/2012	755.000.000.000	1.133.484.074.449	44.072.906.648	13.771.924.950	135.292.769.711	2.081.621.675.758

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2012/BM/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2012, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 90.600.000.000 đồng tương đương 12% vốn điều lệ (năm 2011: 113.250.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản điều chỉnh của quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông nêu trên.

Như trình bày tại thuyết minh số 12 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 4065/BTC-QLBH ngày 28 tháng 3 năm 2012 đề cập Tổng Công ty được hoàn lại số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 23.362.957.306 đồng, phát sinh và đã nộp từ chuyển nhượng vốn tại Bảo Minh – CMG.

Theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Tổng Cục thuế, Tổng Công ty đã điều chỉnh số tiền 10.388.764.492 đồng do tính toán và ghi nhận chưa đúng chi phí tài chính trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, Tổng Công ty phải nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2011 với số tiền là 2.604.722.487 đồng. Tổng Công ty đã điều chỉnh 2 khoản này vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 4 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán tiền vốn và lãi thu được việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG. Theo đó, đối với số tiền lãi 5.177.080 đô la Mỹ tương đương 107.760.926.445 đồng được hạch toán giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và giảm khoản phải thu khác từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (gọi tắt là “SCIC”). Tổng Công ty đã hạch toán toàn bộ số tiền lãi này giảm lợi nhuận chưa phân phối cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu phổ thông	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu phổ thông	75.500.000	75.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	42.532.000.000	5,63	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Cổ phần XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV của Tổng Công ty và cổ đông khác	94.791.200.000	12,57	94.791.200.000	94.791.200.000
	755.000.000.000	100	755.000.000.000	755.000.000.000

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.621.126.144	159.713.502.596
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	20.523.478.889	32.126.427.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.947.488.000	49.861.330.309
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.083.483.946	38.549.741.441
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.661.121.197	18.016.732.844
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	938.050.000	1.017.115.646
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.369.998.949	2.584.965.567
	223.144.747.125	301.869.815.997

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí cho hoạt động đầu tư	33.054.813.677	30.213.359.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.358.018.788	21.989.763.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.396.986.530	16.605.811.457
Dự phòng giảm giá đầu tư	91.482.813.877	105.605.445.961
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	8.548.222.771	1.325.287.975
Chi phí tài chính khác	2.560.579.836	284.542.009
	149.401.435.479	176.024.210.081

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	88.997.809.407	130.142.232.404
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	280.252.058	1.167.387.169
Trừ: Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(56.947.488.000)	(49.861.330.309)
Thu nhập chịu thuế	32.330.573.465	81.448.289.264
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.082.643.366	20.362.072.316

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

33. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	18.860.431.895	18.987.186.891

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	10.712.189.955	6.365.100.089
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.847.455.158	15.866.778.296
Sau năm năm	863.585.375	69.467.125
	33.423.230.488	22.301.345.510

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với thời hạn từ 1 năm tới 30 năm.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.304.644.425	258.530.906.001
Phải thu khách hàng và phải thu khác	898.709.929.695	1.060.053.199.943
Đầu tư tài chính ngắn hạn	966.669.802.334	990.090.879.712
Đầu tư tài chính dài hạn	557.872.120.087	590.543.219.519
Các khoản ký quỹ	11.790.032.546	11.765.655.179
	2.615.346.529.087	2.910.983.860.354
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	386.554.170.331	559.080.898.506
Dự phòng nghiệp vụ	964.933.017.767	969.207.795.970
Nhận ký quỹ	530.237.066	253.058.510
	1.352.017.425.164	1.528.541.752.986

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	392.030.018.340	722.801.138.695	197.744.284.886	412.046.998.056
Đồng EURO (EUR)	5.590.672.090	2.959.253.441	6.772.121.324	6.767.889.664
Bảng Anh (GBP)	11.375.363.394	7.427.188.218	1.104.278.864	2.401.191.232
Yên Nhật (JPY)	1.945.748.356	1.791.145.216	759.126.098	809.623.611
Đô la Singapore (SGD)	195.435.018	39.832.033	-	2.013.844.472
Won Hàn Quốc (KRW)	335.287.506	-	56.111.611	56.111.611
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	36.234.949	1.790.419.217
Đô la Úc (AUD)	2.903.156	-	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Bảng Anh và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Điều hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư lớn của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	9.729.298.742	15.257.529.756
Đồng EURO (EUR)	(57.809.425)	(202.375.895)
Bảng Anh (GBP)	506.388.113	257.474.476
Yên Nhật (JPY)	63.794.897	47.083.006

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng số tài sản tài chính nhận lãi suất của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6, số 7 và số 20. Chính sách của Tổng Công ty là duy trì nguồn tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mức lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về thay đổi giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.304.644.425	-	180.304.644.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	852.467.053.756	46.242.875.939	898.709.929.695
Đầu tư tài chính ngắn hạn	966.669.802.334	-	966.669.802.334
Đầu tư tài chính dài hạn	-	557.872.120.087	557.872.120.087
Các khoản ký quỹ	607.012.135	11.183.020.411	11.790.032.546
	2.000.048.512.650	615.298.016.437	2.615.346.529.087

31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	386.554.170.331	-	386.554.170.331
Dự phòng nghiệp vụ	843.937.057.310	120.995.960.457	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	-	530.237.066	530.237.066
	1.230.491.227.641	121.526.197.523	1.352.017.425.164

Chênh lệch thanh khoản thuần	769.557.285.009	493.771.818.914	1.263.329.103.923
-------------------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.530.906.001	-	258.530.906.001
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.028.864.167.056	31.189.032.887	1.060.053.199.943
Đầu tư tài chính ngắn hạn	990.090.879.712	-	990.090.879.712
Đầu tư tài chính dài hạn	-	590.543.219.519	590.543.219.519
Các khoản ký quỹ	360.217.898	11.405.437.281	11.765.655.179
	2.277.846.170.667	633.137.689.687	2.910.983.860.354

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	559.080.898.506	-	559.080.898.506
Dự phòng nghiệp vụ	800.669.804.049	168.537.991.921	969.207.795.970
Nhận ký quỹ	-	253.058.510	253.058.510
	1.359.750.702.555	168.791.050.431	1.528.541.752.986

Chênh lệch thanh khoản thuần	918,095,468,112	464.346.639.256	1.382.442.107.368
-------------------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng lưu ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm.

Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm và sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Thu nhập		
Cổ tức nhận từ BMSC	14.283.944.000	10.502.400.000
Cổ tức nhận từ UIC	21.802.500.000	8.721.000.000
Tiền cho thuê văn phòng từ BMSC	308.000.000	358.250.000
Chi phí môi giới và tư vấn trả BMSC	<u>72.875.195</u>	<u>48.522.297</u>
Cổ tức		
Cổ tức BMSC đã trả hộ Tổng Công ty	20.918.126.600	707.364.370
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	<u>22.343.664.000</u>	<u>909.003.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính riêng:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Cổ tức phải nhờ BMSC trả hộ	<u>2.341.462.960</u>	<u>915.925.560</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>5.866.536.316</u>	<u>5.766.951.056</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

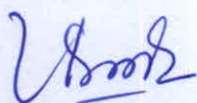
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm tài chính hiện hành, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số sau phân loại lại VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(127.410.789.613)	28.133.255.874	(99.277.533.739)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(37.621.744.849)	(30.891.422.540)	(68.513.167.389)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.868.166.666)	2.758.166.666	(3.110.000.000)



Vũ Thị Dung
Người lập biểu



Nguyễn Phú Thủy
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2012

